TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2022/DS-ST
Ngày 30/5/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị L; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang H; địa chỉ: Số 11 Trần Hưng Đạo, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông *(Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 05/01/2022)* – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị X; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quang H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 28/5/2015 bà Trương Thị L có cho bà Lê Thị X vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có xác lập hợp đồng cho vay và thỏa thuận thời hạn thanh toán ngày 28/10/2015, lãi suất 2%/tháng, đến thời hạn trả theo thỏa thuận mặc dù bà L đã nhiều lần yêu bà X trả nợ nhưng bà X vẫn không trả nên bà Trương Thị L khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị X phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với bị đơn bà Lê Thị X trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bà X đều vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị X phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị L số tiền 100.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị X phải hoàn trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay ngày 28/5/2015 nên quan hệ tranh chấp được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tài sản"*; tại thời điểm khởi kiện bị đơn là bà Lê Thị X có nơi cư trú tại Đức Đ1, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Tính đến trước ngày Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil ra bản án, quyết định giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vấn đề áp dụng về thời hiệu không đưa ra xem xét.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là Lê Thị X, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng bà X vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị X phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay ngày 28/5/2015, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là *"Hợp đồng cho vay"* ngày 28/5/2015 (BL 28), Hội đồng xét xử thấy rằng chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản gốc, nội dung thể hiện bên cho vay là bà Trương Thị L và bên vay là bà Lê Thị X số tiền vay là 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 28/10/2015, trong hợp đồng cho vay thể hiện chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị X, các bên thực hiện giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà L và bà X đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà X. Nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, việc bà X không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, vì vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng *"Hợp đồng cho vay"* ngày 28/5/2015 có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Về lãi suất: Theo hợp đồng cho vay ngày 28/5/2015 thì lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng. Hội đồng xét thấy sự thỏa thuận giữa các bên về lãi suất là không phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị X phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả bà Trương Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L.

Buộc bà Lê Thị X phải trả cho bà Trương Thị L số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị X phải chịu số tiền 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trương Thị L số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0000707, ngày 07 tháng 01 năm 2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
-VKSND tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA dân sự huyện M;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Hội